

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 06 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần thương mại Tân Tiến Phát tại Văn bản số 210/CV-TTP ngày 01/10/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát, Văn bản số 68/CV-TTP ngày 20/03/2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp phép môi trường của Cơ sở và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần thương mại Tân Tiến Phát, địa chỉ trụ sở chính: Đội 7B, thôn Me Táo, xã Dương Hòa, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: “Sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát” tại Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: “Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0500475957 do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 20/12/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 23/10/2024.

1.4. Mã số thuế: 0500475957.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nước ngọt đóng chai, nước ngọt đóng lon.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 14.221,6 m².

- Nhóm dự án: Cơ sở tương đương dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở tương đương dự án nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

- Công suất cơ sở: Các sản phẩm nước giải khát (nước ngọt đóng chai, nước ngọt đóng lon): 936.000 lít/năm.

- Quy trình sản xuất của cơ sở:

+ *Quy trình chính*: Nguyên liệu (nước sạch, phụ gia, đường, hương liệu) → Nấu pha chế siro → Chiết/rót lon nhôm, chai nhựa → Sản phẩm → Đóng thùng, lưu kho.

+ *Quy trình chi tiết*:

++ *Quy trình sản xuất phôi chai nhựa*: Nhựa nguyên sinh → Máy nấu chảy nhựa → Máy tạo phôi chai → Máy thổi chai → Chai nhựa phục vụ cho công đoạn chiết/rót nước ngọt đóng chai tại Cơ sở.

++ *Quy trình sản xuất nắp chai nhựa*: Nhựa nguyên sinh → Máy nấu chảy nhựa → Máy ép khuôn → Nắp chai phục vụ cho công đoạn chiết/rót nước ngọt đóng chai tại Cơ sở.

++ *Quy trình công nghệ pha chế siro*: Nguyên liệu (đường, hương liệu, phụ gia, nước sạch) → Bồn nấu siro hương liệu → Thanh trùng → Tiệt trùng → Chuyển sang công đoạn chiết/rót thành phẩm.

++ Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm nước ngọt các loại đóng lon: Vỏ lon nhập từ các nhà cung cấp → Chiết/rót thành phẩm → Đóng nắp → Làm sạch → Hấp → Làm mát gián tiếp → In ngày sản xuất, hạn sử dụng lên lon → Đóng thùng → Lưu kho.

++ Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm nước ngọt các loại đóng chai: Vỏ chai nhựa → Chiết/rót thành phẩm → Đóng nắp → Làm sạch → Gắn chụp nilon → In ngày sản xuất, hạn sử dụng lên chai → Đóng thùng → Lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần thương mại Tân Tiến Phát:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, các cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND xã Tây Phương và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Trương Việt Dũng (để b/c);
- Văn phòng UBND thành phố Hà Nội
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND xã Tây Phương;
- Trung tâm PVHCC (Chi nhánh 1);
- Trưởng ban (để b/c);
- Phòng CSTT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hà Tây;
- Công ty Cổ phần thương mại Tân Tiến Phát;
- Phòng HTĐT, QLDN (để ph/h);
- Lưu: VT, XDMT.

Đinh Trần Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải phát sinh tại Cơ sở của Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát sau khi qua xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm, được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Chủ Cơ sở đã có thỏa thuận đầu nối và ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ địa chất (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất 60 m³/ngày.đêm:

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu vực bếp ăn cho công nhân → Đường ống PVC → Hồ tách mỡ → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu nhà vệ sinh khối văn phòng → Đường ống PVC → Bể tự hoại số 1 → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà vệ sinh khu vực bếp ăn kết hợp khu vực nghỉ ngơi của công nhân → Đường ống PVC → Bể tự hoại số 2 → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh nhà xưởng sản xuất nước giải khát → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa vệ sinh máy móc, thiết bị → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ công đoạn làm mát sản phẩm lon sau hấp → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát thiết bị của quá trình thổi chai, nắp chai → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc của hệ thống lọc nước RO → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa đáy lon sau khi qua công đoạn đóng nắp → Đường ống PVC → Hệ thống thu gom nước thải BTCT D300 → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm đạt tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai được đầu nối vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp qua 01 điểm đầu nối.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều chỉnh pH → Bể điều hòa → Bể yếm khí 1,2,3 → Bể trung gian 1 → Bể hiếu khí MBBR 1,2,3 → Bể trung gian 2 → Bể lắng thứ cấp → Bể trung gian 3 → Bể lọc sinh học 1,2 → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai qua 01 điểm đầu nối nước thải.

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý không phát sinh thêm chất ô nhiễm và đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối; bố trí nhân viên có chuyên môn phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước

thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ mài mòn, thường xuyên bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố. Khi sự cố xảy ra, không xả nước thải ra môi trường và kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục; trong trường hợp không thể khắc phục sự cố, báo cáo với Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

- Nước thải sau xử lý → Đường ống PVC D75 → Đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai (qua 01 điểm đầu nối nước thải, tọa độ $X = 2\ 323\ 889$; $Y = 565\ 994$ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai để tiếp tục xử lý.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất vận hành hiệu quả hệ thống xử lý sơ bộ và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.4. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Công ty.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải sau xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Từ lò hơi số 01, công suất 5 tấn hơi/giờ (nhiên liệu đốt: củi).
- Nguồn số 02: Từ lò hơi số 02, công suất 5 tấn hơi/giờ (nhiên liệu đốt: củi).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01 (OK1): Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi số 1 (xử lý khí thải từ nguồn số 01), toạ độ xả thải: X(m) = 2 324 025; Y(m) = 565 992.

- Dòng khí thải số 02 (OK2): Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi số 2 (xử lý khí thải từ nguồn số 02), toạ độ xả thải: X(m) = 2 324 019; Y(m) = 565 988.

(Theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°)

Tất cả các vị trí xả khí thải của các dòng khí thải đều nằm trong khuôn viên của Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát tại Khu công nghiệp Thạch Thất- Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (theo đề nghị và cam kết của chủ dự án).

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽²⁾	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01, số 02					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	18.000	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180 ⁽¹⁾		
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000 ⁽¹⁾		

4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
5	Lưu huỳnh Đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	450 ⁽¹⁾		

(1): Giá trị giới hạn áp dụng theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, với các hệ số $K_p = 1$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$); $K_v = 0,9$ (áp dụng với thông số: Bụi tổng; Lưu huỳnh đioxit, SO₂) và $K_v = 1$ (áp dụng với thông số Nitơ oxit, NO_x; Cacbon oxit, CO).

(2): Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ghi chú: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các Quy chuẩn địa phương (nếu có).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn bụi, khí thải số 01 → Đường ống thu gom → Quạt hút (01 quạt) → Hệ thống xử lý bụi và khí thải số 1 (Tháp dập bụi ướt) → Ống thoát khí ra ngoài môi trường (OK1).

- Nguồn bụi, khí thải số 02 → Đường ống thu gom → Quạt hút (01 quạt) → Hệ thống xử lý bụi và khí thải số 2 (Tháp dập bụi ướt) → Ống thoát khí ra ngoài môi trường (OK2).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi và khí thải của lò hơi số 01:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp dập bụi ướt số 1 → Tháp dập bụi ướt số 2 → Tháp dập bụi ướt số 3 → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi và khí thải của lò hơi số 02:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp dập bụi ướt số 1 → Tháp dập bụi ướt số 2 → Tháp dập bụi ướt số 4 → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, các thiết bị xử lý và theo dõi thường xuyên quá trình vận hành của hệ thống, thiết bị, thay thế định kỳ các vật liệu, hóa chất tiêu hao, vật liệu cần thay thế theo đúng yêu cầu kỹ thuật, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 06 năm 2026 đến hết tháng 08 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm.

- Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi số 1, công suất: 18.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi số 2, công suất: 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại các ống thoát khí theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, việc quan trắc do chủ Cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra đối với từng hệ thống xử lý bụi, khí thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của cơ sở.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình để theo dõi và giám sát. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, báo cáo về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước khi thực hiện việc thay đổi.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đảm bảo yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền sản xuất nước giải khát.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền thổi chai nhựa PET.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

2.1.1. Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thời gian áp dụng từ ngày cấp phép đến hết ngày 31/12/2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.1.2. Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung:

2.2.1. Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thời gian áp dụng từ ngày cấp phép đến hết ngày 31/12/2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

2.2.2. Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến trước 06 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; bố trí thiết bị, máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị, máy móc có khả năng gây ồn trong khu vực. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày..... tháng.....năm 2026
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
2	Dầu động cơ thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	17 02 03	15
Tổng			17

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng, can nhựa không chứa thành phần nguy hại	195
2	Giấy vụn, bìa carton thải bỏ	22
3	Bao bì nilon không chứa thành phần nguy hại	70
Tổng		287

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh: 17,3 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn phải kiểm soát dự kiến phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in đã qua sử dụng	08 02 04	6
2	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	32
3	Bao bì cứng kim loại chứa thành phần nguy hại	18 01 02	52
4	Bao bì nhựa cứng chứa thành phần nguy hại	18 01 03	65
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	15.300
Tổng			15.455

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa: 01 kho, bố trí bên ngoài xưởng sản xuất.
- Diện tích kho chứa: 3 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che kín, tường tôn bao xung quanh, nền tôn chống thấm và có khay chứa phía dưới chất thải nguy hại dạng lỏng cho sự cố; có biển cảnh báo chất thải nguy hại, dán mã chất thải theo quy định; cửa có khóa và được trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa: 01 kho, bố trí bên ngoài xưởng sản xuất.
- Diện tích kho chứa: 3 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho có mái che, tường tôn bao xung quanh, nền tôn chống thấm; được trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thùng, xe đẩy rác dung tích 500 lít đặt trong khuôn viên Cơ sở.
- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất thu gom: hàng ngày hoặc theo nhu cầu phát sinh của nhà máy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

3. Phương tiện vận chuyển; khu vực, kho lưu giữ chất thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại các Điều 27, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Khối lượng, loại chất thải lưu giữ bảo đảm phù hợp với khả năng lưu chứa của khu vực, kho lưu giữ chất thải; việc xếp chồng các kiện chất thải lên nhau phải bảo đảm chắc chắn, an toàn, tránh đổ tràn chất thải ra môi trường; hạn chế việc để tồn lưu chất thải tại khu

vực, kho lưu giữ chất thải; có biện pháp phòng ngừa phù hợp trong trường hợp khu vực, kho lưu giữ chất thải có nguy cơ bị ngập lụt.

4. Sử dụng vật liệu phù hợp để ngăn chất thải phát tán ra môi trường khi xảy ra sự cố chất thải; thu gom chất thải đổ tràn và lưu giữ tại khu vực, kho lưu giữ chất thải bảo đảm an toàn trong thời gian chờ xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định.

5. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, bố trí thiết bị dự phòng để thay thế khi thiết bị chính bị hỏng, bảo đảm hệ thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động ổn định; vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải theo đúng quy trình thiết kế; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

6. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường quy định.

7. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý hóa chất và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

4. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đấu nối và xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.